

Số: 04/BC-PCTT

Sóc Trăng, ngày 11 tháng 03 năm 2015

BÁO CÁO

Kết quả 05 năm thực hiện Đề án

“Nâng cao nhận thức cộng đồng và quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng” trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng giai đoạn 2009 -2014

Thực hiện nội dung Công văn số 186/TCTL ngày 09/02/2015 của Tổng cục Thủy lợi về việc báo cáo kết quả 05 năm thực hiện Đề án “Nâng cao nhận thức cộng đồng và quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng” giai đoạn 2009-2014, Thường trực Ban chỉ huy Phòng, thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn tỉnh báo cáo như sau:

1. Kết quả thực hiện:

Thực hiện Quyết định số 1002/QĐ-TTg ngày 13/7/2009, UBND tỉnh Sóc Trăng cũng đã phê duyệt Kế hoạch số 17/KH-UBND ngày 3 tháng 4 năm 2014 của UBND tỉnh về việc thực hiện Đề án Nâng cao nhận thức cộng đồng và quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng; UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 381/QĐTC-CTUBND ngày 31/8/2012 của Chủ tịch UBND tỉnh Sóc Trăng về việc phê duyệt danh sách cán bộ tham gia các lớp đào tạo giảng viên cấp tỉnh thuộc Đề án Nâng cao nhận thức cộng đồng và quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng.

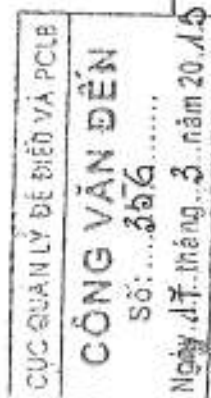
Trong năm 2012 và 2013, có 24 cán bộ đã được tham dự chương trình đào tạo giảng viên cấp tỉnh do Trung tâm Phòng tránh và Giảm nhẹ thiên tai tổ chức.

Trong năm 2013-2014, Sở nông nghiệp và PTNT trích nguồn kinh phí sự nghiệp thủy lợi giao cho Chi cục thủy lợi và PCLB tỉnh phối hợp với các huyện, thị xã Tổ chức 06 lớp tập huấn kiến thức phòng lụt bão và giảm nhẹ thiên tai cho cán huyện, xã (tại các huyện: Trần Đề, Cù lao Dung, Kế Sách Long Phú và thị xã Vĩnh Châu). Kết quả tập huấn được 300 cán bộ cấp huyện, xã. Kinh phí thực hiện: 100,2 triệu đồng.

Năm 2014 được tổ chức Care tài trợ: Tổng ngân sách của Dự án là 18,435 EUR để hỗ trợ nâng cao chương trình quốc gia về Quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng và kế hoạch hành động của Bộ Giáo dục và Đào tạo về giảm nhẹ rủi ro thiên tai/Thích ứng với biến đổi khí hậu. Thí điểm tại Xã Đại Ân 1, huyện Cù Lao Dung.

Kết quả triển khai: tập huấn cho cán bộ kỹ thuật cấp tỉnh

1. Xây dựng được chiến lược Nâng cao năng lực cho bộ máy thực hiện Quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng của tỉnh
2. Trang bị kỹ năng tập huấn cho người lớn cho các tập huấn viên CBDRM.



B/c Phó TTTT
17/3

B/c Chương
17/3

3. Xây dựng khả năng đánh giá rủi ro thiên tai và lập kế hoạch cho nhóm HTKT của tỉnh.

4. Hình thành kỹ năng giám sát đánh giá có sự tham gia trong thực hiện Chương trình CBDRM.

5. Cung cấp kiến thức bình đẳng giới và công tác lồng ghép giới trong thực hiện Chương trình CBDRM

Đến nay, tuy chưa được Trung ương hỗ trợ kinh phí để thực hiện, nhưng tỉnh đã tranh thủ Dự án Care tài để thực hiện một số vấn đề cơ bản trên địa bàn tỉnh. Kết quả thực cụ thể được báo cáo theo *phụ lục* đính kèm.

2. Nhận xét, đánh giá

2.1. Những mặt tích cực

- Việc triển khai thực hiện Kế hoạch Nâng cao nhận thức cộng đồng và quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng được sự đồng thuận cao của các ngành, các cấp từ tỉnh đến địa phương, đặc biệt là ở cộng đồng nên việc triển khai thực hiện gặp rất nhiều thuận lợi và đạt kết quả cao.

- Đã góp phần đáng kể trong việc nâng cao năng lực cho cán bộ chính quyền, đoàn thể các cấp cấp cơ sở trực tiếp làm công tác phòng, chống thiên tai và nhận thức của người dân trong việc phòng, tránh thiên tai được nâng lên rõ rệt, giảm đáng kể thiệt hại khi có thiên tai gây ra.

2.2. Những mặt hạn chế

Do nguồn kinh phí của tỉnh còn hạn chế nên không thể triển khai các lớp tập huấn Đào tạo đội ngũ giảng viên cấp huyện về quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng.

3. Đề xuất, kiến nghị

Đề nghị Trung ương hỗ trợ kinh phí để Tỉnh triển khai thực hiện Đề án năm 2015 đã được phê duyệt.

Trên đây là Kết quả 05 năm thực hiện Đề án "Nâng cao nhận thức cộng đồng và quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng" trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng giai đoạn 2009 -2014. *QVN*

Nơi nhận:

- TCTL;
- BCĐ PCLBTW;
- UBND tỉnh(b/c);
- TB, PTBTT;
- Lưu VP.

KT. TRƯỞNG BAN
PHÓ BAN



Quách Văn Nam

Báo cáo kết quả 05 năm thực hiện Đề án "Nâng cao nhận thức cộng đồng và quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng"
 giai đoạn 2009-2014 trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng
 (Đính kèm Báo cáo số: *CA/BC-PCIT* ngày 11 tháng 3 năm 2015)

Chỉ số	Thông tin báo cáo	Đơn vị tính	Kết quả thu thập thông tin	Giá trị của các chỉ số tỷ lệ (%)	Thông tin bổ sung
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
Chỉ số 1B	Số lượng và tên các QĐ, văn bản hướng dẫn do cấp tỉnh ban hành để thực hiện Đề án	Số lượng : 02 Quyết định của UBND tỉnh Sóc Trăng Kế hoạch số 17/KH-UBND ngày 03 tháng 04 năm 2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng về việc phê duyệt Kế hoạch thực hiện Đề án Nâng cao nhận thức cộng đồng và quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng; Quyết định số 381/QĐTC-CTUBND ngày 31/8/2012 của Chủ tịch UBND tỉnh Sóc Trăng về việc phê duyệt danh sách cán bộ tham gia các lớp đào tạo giảng viên cấp tỉnh thuộc Đề án Nâng cao nhận thức cộng đồng và quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng.			
Chỉ số 1C	Số lượng và tên các QĐ, văn bản hướng dẫn do cấp huyện ban hành để thực hiện Đề án	Số lượng và tên các QĐ, văn bản hướng dẫn do cấp huyện ban hành để thực hiện Đề án	Chưa có		

Chỉ số 2A	Số lượng tỉnh đã ban hành kế hoạch thực hiện Đề án	Tình đã ban hành kế hoạch thực hiện Đề án	Đã có			
Chỉ số 2B	Số lượng tỉnh đã có báo cáo kết quả thực hiện Đề án	Tình đã có báo cáo kết quả thực hiện Đề án	Đã có			
Chỉ số 3	Tỉ lệ các huyện, xã có hệ thống tổ chức thực hiện Đề án	chưa có				
Chỉ số 4	Số lượng cán bộ nữ tham gia thực hiện Đề án ở các cấp	Số lượng cán bộ nữ tham gia thực hiện Đề án ở cấp tỉnh	24 người			Cán bộ làm chủ yếu công tác kiểm nhiệm thuộc Ban Chỉ huy PCIT &TKCN của các Sở, ngành tỉnh
Chỉ số 5A= 5A1/5A2*100%	Tỷ lệ cán bộ cấp tỉnh trực tiếp làm công tác phòng, chống thiên tai đã được đào tạo về QLRRTT-DVCD	Số lượng cán bộ nữ tham gia thực hiện Đề án ở cấp huyện				
		Số lượng cán bộ nữ tham gia thực hiện Đề án ở cấp xã				
		Số lượng cán bộ cấp tỉnh trực tiếp làm công tác phòng, chống thiên tai đã được đào tạo về QLRRTT-DVCD	44 người	22%		Đã tham gia khóa đào tạo ngắn hạn GV cấp tỉnh (cán bộ nguồn TOT cấp tỉnh) do BCDPCLBTW (24 người) và các tổ chức như Care (20 người) tổ chức.
		Tổng số cán bộ cấp tỉnh trực tiếp làm công tác PCIT	200 người			Cán bộ làm chủ yếu công tác kiểm nhiệm thuộc Ban Chỉ huy PCIT &TKCN của các Sở, ngành tỉnh

Chỉ số SB	Tỷ lệ cán bộ cấp huyện trực tiếp làm công tác phòng, chống thiên tai đã được đào tạo về QLRRTT-DVCE	Số lượng cán bộ cấp huyện trực tiếp làm công tác phòng, chống thiên tai đã được đào tạo về QLRRTT-DVCE	25 người	9%	BCH PCTT tỉnh phối hợp tổ chức Care tổ chức tập huấn cho cán bộ huyện làm nông cốt 25 người, tổ
		Tổng số cán bộ cấp huyện trực tiếp làm công tác phòng, chống thiên tai	275 người		Thành viên BCH PCTT các huyện, thị xã, thành phố
Chỉ số SC	Tỷ lệ cán bộ cấp xã trực tiếp làm công tác phòng, chống thiên tai đã được đào tạo về QLRRTT-DVCE	Số lượng cán bộ cấp xã trực tiếp làm công tác phòng, chống thiên tai đã được đào tạo về QLRRTT-DVCE	22 người	1%	BCH PCTT tỉnh phối hợp tổ chức Care tổ chức tập huấn cho lực lượng cấp xã
		Tổng số cán bộ cấp xã trực tiếp làm công tác phòng, chống thiên tai	2.180 người		Thành viên BCH PCTT các xã, phường, thị trấn
Chỉ số 6A= 6A1/6A2*100%	Tỷ lệ tập huấn viên cấp tỉnh đã được đào tạo về QLRRTT-DVCE	Số lượng tập huấn viên cấp tỉnh đã được đào tạo về QLRRTT-DVCE	24 người	96%	Số GV cấp tỉnh được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 381/QĐTC-CTUBND ngày 31/8/2012 của Chủ tịch UBND tỉnh Sóc Trăng do BCEP PCLBTW tổ chức
		Tổng số tập huấn viên cấp tỉnh	25 người		Tổng số GV cấp tỉnh do UBND tỉnh Sóc Trăng phê duyệt tại Quyết định số 381/QĐTC-CTUBND ngày 31/8/2012 của Chủ tịch UBND tỉnh Sóc Trăng

Chỉ số 6B	Số lượng tập huấn viên cấp huyện đã được đào tạo về QLRRTT-DVCE	Số lượng tập huấn viên cấp huyện đã được đào tạo về QLRRTT-DVCE	Chưa đào tạo		
Chỉ số 6C	Số lượng tập huấn viên cấp xã đã được đào tạo về QLRRTT-DVCE	Số lượng tập huấn viên cấp xã đã được đào tạo về QLRRTT-DVCE	Chưa đào tạo		
Chỉ số 6D= 6D1/6D2*100%	Tỷ lệ thành viên nhóm hỗ trợ kỹ thuật cấp tỉnh đã được đào tạo về QLRRTT-DVCE	Chưa thành lập nhóm hỗ trợ			
Chỉ số 6E	Tỷ lệ thành viên nhóm hỗ trợ kỹ thuật cấp huyện đã được đào tạo về QLRRTT-DVCE	Chưa thành lập nhóm hỗ trợ			
Chỉ số 6F	Tỷ lệ thành viên nhóm hỗ trợ kỹ thuật cấp xã đã được đào tạo về QLRRTT-DVCE	Chưa thành lập nhóm hỗ trợ			
Chỉ số 6G	Tỷ lệ thành viên nhóm cộng đồng của xã đã được đào tạo về QLRRTT-DVCE	Chưa được đào tạo			

<p>Chỉ số 7A= 7A1/7A2*100%</p>	<p>Tỷ lệ xã của tỉnh tổ chức tuyên truyền, phổ biến kiến thức về phòng chống thiên tai hàng năm</p>	<p>Số lượng xã của tỉnh tổ chức tuyên truyền, phổ biến kiến thức về phòng chống thiên tai hàng năm</p>	<p>53 xã</p>	<p>61%</p>	<p>Các xã cụ thể: - H.Cù Lao Dung gồm: xã An Thạnh Nhất, An Thạnh Tây, An Thạnh Nhì, An Thạnh Ba, An Thạnh Đông, An Thạnh Nam, Đại Ân 1 và Thị Trấn Cù Lao Dung. - H.Kê Sách gồm: Xã Phong Năm, An Lạc Tây, TT An Lạc Thôn, Nhơn Mỹ, Kế Thành, Thới An Hội, Xuân Hòa, Nhơn Mỹ, An Mỹ, Kê An, Ba Trinh, Đại Hải và TT</p>
------------------------------------	---	--	--------------	------------	--

		<p>Tổng số xã năm trong danh sách thực hiện Đề án của tỉnh</p>	<p>87 xã</p>	<p>Kê Sách . - H.Long Phú gồm: Song Phụng, Thị Trấn Đại Ngải, Long Đức, Tân Thạnh, Tân Hưng, Long Phú, Phú Hữu, Châu Khánh, Hậu Thạnh, Trương Khánh và Thị Trấn Long Phú. - H.Trần Đề gồm: Trung Bình, Lịch Hội Thượng, Thạnh Thới Thuận, Liêu Tú, Thạnh Thới An, Viên Bình, Viên An, Tài Văn, Đại An 2, TT Trần Đề và TT Lịch Hội Thượng . - Thị xã Vĩnh Châu gồm: Xã Vĩnh Hải, Vĩnh Tân, Hòa Đông, Vĩnh Hiệp, Lai Hòa, Lạc Hòa, Phường 1, Tập huấn tuyên truyền, phát tờ rơi tuyên truyền</p>
<p>Chỉ số 8A</p>	<p>Tỷ lệ số người dân của xã được tuyên truyền, phổ biến kiến thức về phòng chống thiên tai hàng năm</p>	<p>Tỷ lệ số người dân của xã được tuyên truyền, phổ biến kiến thức về phòng chống thiên tai hàng năm</p>	<p>30%</p>	
<p>Chỉ số 9A= 7A1/7A2*100%</p>	<p>Số lượng xã của tỉnh đã triển khai diễn tập hàng năm</p>	<p>Số lượng xã của tỉnh đã triển khai diễn tập hàng năm</p>		

Chỉ số 10A	Số lượng tỉnh đã sử dụng bộ tài liệu về QLRRTT-DVCD do Bộ Nông nghiệp và PTNT/TCTL ban hành để tập huấn	Tỉnh đã sử dụng bộ tài liệu về QLRRTT-DVCD do Bộ Nông nghiệp và PTNT/TCTL ban hành để tập huấn	Đã có			
Chỉ số 10B= 10B1/10B2*100%	Tỷ lệ huyện của tỉnh đã sử dụng bộ tài liệu về QLRRTT-DVCD do Bộ Nông nghiệp và PTNT/TCTL ban hành để tập huấn	Số lượng huyện của tỉnh đã sử dụng bộ tài liệu về QLRRTT-DVCD do Bộ Nông nghiệp và PTNT/TCTL ban hành để tập huấn	11 huyện	100%		Tỉnh triển khai tài liệu xuống các huyện
Chỉ số 10C= 10C1/10C2*100%	Tỷ lệ xã của tỉnh đã sử dụng bộ tài liệu về QLRRTT-DVCD do Bộ Nông nghiệp và PTNT/TCTL ban hành để tập huấn	Tổng số huyện nằm trong danh sách thực hiện Đề án của tỉnh Số lượng xã của tỉnh đã sử dụng bộ tài liệu về QLRRTT-DVCD do Bộ Nông nghiệp và PTNT/TCTL ban hành để tập huấn	11 huyện 1 xã	1%		Tỉnh triển khai tài liệu xuống các xã
Chỉ số 11A1	Số lượng tỉnh đã sử dụng bộ tài liệu ban hành của cấp trên biên soạn lại phù hợp với điều kiện địa phương	Tỉnh đã sử dụng bộ tài liệu ban hành của cấp trên biên soạn lại phù hợp với điều kiện địa phương	Đã có			
Chỉ số 11B= 11B1/11B2*100%	Tỷ lệ cấp huyện đã sử dụng bộ tài liệu ban hành của cấp trên biên soạn lại phù hợp với điều kiện địa phương	Số lượng huyện đã sử dụng bộ tài liệu ban hành của cấp trên biên soạn lại phù hợp với điều kiện địa phương	11 huyện	100%		
		Tổng số huyện nằm trong danh sách thực hiện Đề án của tỉnh	11 huyện			

Chỉ số 11C= 11C1/11C2*100%	Tỷ lệ cấp xã đã sử dụng bộ tài liệu ban hành của cấp trên biên soạn lại phù hợp với điều kiện với điều kiện địa phương	Số lượng xã đã sử dụng bộ tài liệu ban hành của cấp trên biên soạn lại phù hợp với điều kiện địa phương	1 xã	1%		
			87 xã			
Chỉ số 12A= 12A1/12A2*100%	Tỷ lệ xã của tỉnh đã xây dựng kế hoạch phòng chống thiên tai hàng năm có sự tham gia của cộng đồng	Số lượng xã của tỉnh đã xây dựng kế hoạch phòng chống thiên tai hàng năm có sự tham gia của cộng đồng	87 xã	100%		
			87 xã			
Chỉ số 13A= 13A1/13A2*100%	Tỷ lệ xã của tỉnh đã lồng ghép kế hoạch phòng, chống thiên tai vào kế hoạch phát triển KTXH của địa phương	Số lượng xã của tỉnh đã lồng ghép kế hoạch phòng, chống thiên tai vào kế hoạch phát triển KTXH của địa phương	87 xã	100%		
			87 xã			
Chỉ số 14A= 14A1/14A2*100%	Tỷ lệ xã của tỉnh đã xây dựng bản đồ rủi ro thiên tai do người dân tự vẽ	Số lượng xã của tỉnh đã xây dựng bản đồ rủi ro thiên tai do người dân tự vẽ	Chưa có			
			87 xã			
Chỉ số 14B= 14B1/14B2*100%	Tỷ lệ xã của tỉnh đã cập nhật bản đồ rủi ro thiên tai do người dân tự vẽ	Số lượng xã của tỉnh đã cập nhật bản đồ rủi ro thiên tai do người dân tự vẽ	Chưa có			
			87 xã			

Chỉ số 15A	Liệt kê các trang thiết bị hiện có phục vụ công tác thực hiện Đề án ở cấp tỉnh	Các trang thiết bị hiện có phục vụ công tác thực hiện Đề án ở cấp tỉnh:	Máy tính, máy ảnh, máy chiếu và các vật dụng cơ bản khác			
Chỉ số 15B	Liệt kê các trang thiết bị hiện có phục vụ công tác thực hiện Đề án ở cấp huyện	Chưa có thông kê cụ thể, chủ yếu là máy tính, máy ảnh và các vật dụng cơ bản khác và các vật dụng cơ bản khác				
Chỉ số 15C	Liệt kê các trang thiết bị hiện có phục vụ công tác thực hiện Đề án ở cấp xã	Chưa có thông kê cụ thể, chủ yếu là máy tính, máy ảnh và các vật dụng cơ bản khác				
Chỉ số 16A1	Số lượng tỉnh có trụ sở cơ quan chuyên trách về phòng chống thiên tai được nâng cấp hoàn chỉnh phục vụ tốt điều kiện làm việc cho cán bộ	Chưa có trụ sở cơ quan chuyên trách, cán bộ chủ yếu làm công tác kiêm nhiệm	Chưa có			
Chỉ số 17A= 17A1/17A2*100%	Tỷ lệ xã của tỉnh đã có hệ thống truyền tin, cảnh báo sớm về thiên tai	Số lượng xã của tỉnh đã có hệ thống truyền tin, cảnh báo sớm về thiên tai (Loa không giấy)	87 xã			
Chỉ số 18A	Tỷ lệ người dân trên địa bàn xã nhận được thông tin cảnh báo sớm về thiên tai	Tổng số xã nằm trong danh sách thực hiện Đề án của tỉnh	87 xã			
Chỉ số 19A= 19A1/19A2*100%	Tỷ lệ xã của tỉnh có danh mục công trình quy mô có sự tham vấn cộng đồng	Số lượng người dân trên địa bàn xã nhận được thông tin cảnh báo sớm về thiên tai		100%		
		Số lượng xã của tỉnh có danh mục công trình quy mô có sự tham vấn cộng đồng	87 xã			
		Tổng số xã nằm trong danh sách thực hiện Đề án của tỉnh	87 xã			

Chỉ số 20A	Tỷ lệ công trình quy mô nhỏ trong danh mục dự kiến đã được xây dựng trên địa bàn xã	số lượng công trình quy mô nhỏ trong danh mục dự kiến đã được xây dựng trên địa bàn xã	Chưa xây dựng		
Chỉ số 22A = 22A1/22A2 * 100%	Tỷ lệ giáo viên các trường mầm non trên địa bàn tỉnh đã được đào tạo, tập huấn về QLRRTT	Tổng số công trình Số lượng giáo viên các trường mầm non trên địa bàn tỉnh đã được đào tạo, tập huấn về QLRRTT (22A1)	Chưa đào tạo		
Chỉ số 22B	Tỷ lệ giáo viên các trường tiểu học trên địa bàn tỉnh đã được đào tạo, tập huấn về QLRRTT	Tổng số giáo viên các trường mầm non trên địa bàn tỉnh (22A2) Số lượng giáo viên các trường tiểu học trên địa bàn tỉnh đã được đào tạo, tập huấn về QLRRTT	Chưa đào tạo		
Chỉ số 22C	Tỷ lệ giáo viên các trường trung học cơ sở trên địa bàn tỉnh đã được đào tạo, tập huấn về QLRRTT	Tổng số giáo viên các trường tiểu học trên địa bàn tỉnh Số lượng giáo viên các trường trung học cơ sở trên địa bàn tỉnh đã được đào tạo, tập huấn về QLRRTT	Chưa đào tạo		

	HƯỚNG VÀ QUẢN LÝ	QUẢN LÝ	
Chỉ số 22D	Tỷ lệ giáo viên các trường trung học phổ thông trên địa bàn tỉnh đã được đào tạo, tập huấn về QLRRTT	<p>Tổng số giáo viên các trường trung học phổ thông trên địa bàn tỉnh đã được đào tạo, tập huấn về QLRRTT</p> <p>Tổng số giáo viên các trường trung học phổ thông trên địa bàn tỉnh</p>	<p>tạo</p> <p>Chưa đào tạo</p>
Chỉ số 22E	Tỷ lệ giáo viên các trung tâm giáo dục thường xuyên trên địa bàn tỉnh đã được đào tạo, tập huấn về QLRRTT	<p>Số lượng giáo viên các trung tâm giáo dục thường xuyên trên địa bàn tỉnh đã được đào tạo, tập huấn về QLRRTT</p> <p>Tổng số giáo viên các trung tâm giáo dục thường xuyên trên địa bàn tỉnh</p>	<p>Chưa đào tạo</p> <p>số lượng</p>
Chỉ số 22F	Tỷ lệ giáo viên các trường cao đẳng trên địa bàn tỉnh đã được đào tạo, tập huấn về QLRRTT	Số lượng giáo viên các trường cao đẳng trên địa bàn tỉnh đã được đào tạo, tập huấn về QLRRTT	Chưa đào tạo

	QLRRTT	QLRRTT	tạo	
Chỉ số 22G	Tỷ lệ giáo viên các trường đại học trên địa bàn tỉnh đã được đào tạo, tập huấn về QLRRTT	Tổng số giáo viên các trường cao đẳng trên địa bàn tỉnh	Số lượng	
Chỉ số 23A	Số lượng giáo viên các cấp học tham gia vào đội ngũ giảng viên về QLRRTT-DVCD ở cấp tỉnh	Số lượng giáo viên các trường đại học trên địa bàn tỉnh	Số lượng	
Chỉ số 23B	Số lượng giáo viên các cấp học tham gia vào đội ngũ giảng viên về QLRRTT-DVCD ở cấp huyện	Số lượng giáo viên các cấp học tham gia vào đội ngũ giảng viên về QLRRTT-DVCD ở cấp huyện	Chưa đảo tạo	
			Chưa có	

Chỉ số 23C	Số lượng giáo viên các cấp học tham gia vào đội ngũ giảng viên về QLRRTT-DVCD ở cấp xã	Số lượng giáo viên các cấp học tham gia vào đội ngũ giảng viên về QLRRTT-DVCD ở cấp xã	Chưa có		
Chỉ số 24A= 24A1/24A2*100%	Tỷ lệ các trường mầm non trên địa bàn tỉnh đưa kiến thức QLRRTT vào môn học chính khóa, ngoại khóa	Số lượng các trường mầm non trên địa bàn tỉnh đưa kiến thức QLRRTT vào môn học chính khóa, ngoại khóa (24A1) Tổng số các trường mầm non trên địa bàn tỉnh (24A2)	Chưa có		
Chỉ số 24B= 24b1/24B2*100%	Tỷ lệ các trường tiểu học trên địa bàn tỉnh đưa kiến thức QLRRTT vào môn học chính khóa, ngoại khóa	Số lượng các trường tiểu học trên địa bàn tỉnh đưa kiến thức QLRRTT vào môn học chính khóa, ngoại khóa (24B1) Tổng số các trường tiểu học trên địa bàn tỉnh (24B2)	Chưa có		
Chỉ số 24C= 24C1/24C2*100%	Tỷ lệ các trường trung học cơ sở trên địa bàn tỉnh đưa kiến thức QLRRTT vào môn học chính khóa, ngoại khóa	Số lượng các trường trung học cơ sở trên địa bàn tỉnh đưa kiến thức QLRRTT vào môn học chính khóa, ngoại khóa (24C1) Tổng số các trường trung học cơ sở trên địa bàn tỉnh (24C2)	Chưa có		
Chỉ số 24D= 24D1/24D2*100%	Tỷ lệ các trường trung học phổ thông trên địa bàn tỉnh đưa kiến thức QLRRTT vào môn học chính khóa, ngoại khóa	Số lượng các trường trung học phổ thông trên địa bàn tỉnh đưa kiến thức QLRRTT vào môn học chính khóa, ngoại khóa (24D1) Tổng số các trường trung học phổ thông trên địa bàn tỉnh (24D2)	Chưa có		
			số lượng		
			số lượng		
			số lượng		

Chỉ số 24E= $24E1/24F2 \times 100\%$	Tỷ lệ các trung tâm giáo dục thường xuyên trên địa bàn tỉnh đưa kiến thức QLRRTT vào môn học chính khóa, ngoại khóa	Số lượng các trung tâm giáo dục thường xuyên trên địa bàn tỉnh đưa kiến thức QLRRTT vào môn học chính khóa, ngoại khóa (24E1)	Chưa có		
Chỉ số 24F= $24F1/24F2 \times 100\%$	Tỷ lệ các trường cao đẳng trên địa bàn tỉnh đưa kiến thức QLRRTT vào môn học chính khóa, ngoại khóa	Tổng số các trung tâm giáo dục thường xuyên trên địa bàn tỉnh (24E2)	số lượng		
Chỉ số 24G= $24G1/24G2 \times 100\%$	Tỷ lệ các trường đại học trên địa bàn tỉnh đưa kiến thức QLRRTT vào môn học chính khóa, ngoại khóa	Số lượng các trường cao đẳng trên địa bàn tỉnh đưa kiến thức QLRRTT vào môn học chính khóa, ngoại khóa (24F1)	Chưa có		
Chỉ số 25A	Số lượng tiết học và hoạt động ngoại khóa cấp tiểu học trên địa bàn tỉnh có lồng ghép nội dung phòng chống và GNTT	Tổng số các trường cao đẳng trên địa bàn tỉnh (24F2)	số lượng		
Chỉ số 25B	Số lượng tiết học và hoạt động ngoại khóa cấp trung học cơ sở trên địa bàn tỉnh có lồng ghép nội dung phòng chống và GNTT	Số lượng các trường đại học trên địa bàn tỉnh đưa kiến thức QLRRTT vào môn học chính khóa, ngoại khóa (24F1)	Chưa có		
		Tổng số các trường đại học trên địa bàn tỉnh (24F2)	số lượng		
		Số lượng tiết học và hoạt động ngoại khóa cấp tiểu học trên địa bàn tỉnh có lồng ghép nội dung phòng chống và GNTT	Chưa có		
		Số lượng tiết học và hoạt động ngoại khóa cấp trung học cơ sở trên địa bàn tỉnh có lồng ghép nội dung phòng chống và GNTT	Chưa có		

Chỉ số 25C	Số lượng tiết học và hoạt động ngoại khóa cấp trung học phổ thông trên địa bàn tỉnh có lồng ghép nội dung phòng chống và GNTT	Số lượng tiết học và hoạt động ngoại khóa cấp trung học phổ thông trên địa bàn tỉnh có lồng ghép nội dung phòng chống và GNTT	Số lượng tiết học và hoạt động ngoại khóa cấp trung học phổ thông trên địa bàn tỉnh có lồng ghép nội dung phòng chống và GNTT	Chưa có			
Chỉ số 25D	Số lượng tiết học và hoạt động ngoại khóa tại trung tâm giáo dục thường xuyên trên địa bàn tỉnh có lồng ghép nội dung phòng chống và GNTT	Số lượng tiết học và hoạt động ngoại khóa tại trung tâm giáo dục thường xuyên trên địa bàn tỉnh có lồng ghép nội dung phòng chống và GNTT	Số lượng tiết học và hoạt động ngoại khóa tại trung tâm giáo dục thường xuyên trên địa bàn tỉnh có lồng ghép nội dung phòng chống và GNTT	Chưa có			
Chỉ số 26A	Số lượng và tên các dự án về nâng cao nhận thức cộng đồng và QLRRTT-DVCE đã thực hiện trên địa bàn tỉnh	Số lượng và tên các dự án về nâng cao nhận thức cộng đồng và QLRRTT-DVCE đã thực hiện trên địa bàn tỉnh	Số lượng và tên các dự án về nâng cao nhận thức cộng đồng và QLRRTT-DVCE đã thực hiện trên địa bàn tỉnh	số lượng: 01 dự án (Dự án Care)			
Chỉ số 27C= 27C1/27C2*100%	Tỷ lệ giải ngân nguồn vốn ngân sách thực hiện Đề án hàng năm của tỉnh (ngành Nông nghiệp và PTNT)	Tỷ lệ giải ngân nguồn vốn ngân sách thực hiện Đề án hàng năm của tỉnh (ngành Nông nghiệp và PTNT)	Kinh phí từ nguồn vốn ngân sách đã được giải ngân hàng năm của tỉnh (ngành Nông nghiệp và PTNT) (27C1)	Tập huấn: 06 lớp, Kinh phí 100,2 triệu đồng			
Chỉ số 27D= 27D1/27D2*100%	Tỷ lệ giải ngân nguồn vốn ngân sách thực hiện Đề án hàng năm của tỉnh (ngành GD-ĐT)	Tỷ lệ giải ngân nguồn vốn ngân sách thực hiện Đề án hàng năm của tỉnh (ngành GD-ĐT)	Tổng kinh phí từ nguồn vốn ngân sách được cấp hàng năm của tỉnh (ngành Nông nghiệp và PTNT) (27C2) Kinh phí từ nguồn vốn ngân sách đã được giải ngân hàng năm của tỉnh (ngành GD-ĐT) (27D1)	số lượng			
			Tổng kinh phí từ nguồn vốn ngân sách được cấp hàng năm của tỉnh (ngành GD-ĐT) (27D2)	Chưa có			
				số lượng			

Chỉ số 27D= 27D1/27D2*100%	Tỷ lệ giải ngân nguồn vốn ngân sách thực hiện Đề án hàng năm của tỉnh (ngành GD-ĐT)	Kinh phí từ nguồn vốn ngân sách đã được giải ngân hàng năm của tỉnh (ngành GD-ĐT) (27D1)	Chưa có		
Chỉ số 27F	Tỷ lệ giải ngân nguồn vốn ngân sách thực hiện Đề án hàng năm của huyện (ngành GD-ĐT)	Tổng kinh phí từ nguồn vốn ngân sách được cấp hàng năm của tỉnh (ngành GD-ĐT) (27D2)	số lượng		
Chỉ số 28D= 28D1/28D2*100%	Tỷ lệ giải ngân nguồn tài trợ không hoàn lại từ các chính phủ, tổ chức quốc tế (ODA) của tỉnh (ngành GD-ĐT)	Tỷ lệ giải ngân nguồn vốn ngân sách thực hiện Đề án hàng năm của huyện (ngành GD-ĐT)	tỷ lệ %		
Chỉ số 28C= 28C1/28C2*100%	Tỷ lệ giải ngân nguồn tài trợ không hoàn lại từ các chính phủ, tổ chức quốc tế (ODA) của tỉnh (ngành Nông nghiệp và PTNT)	Kinh phí từ nguồn vốn ODA đã được giải ngân hàng năm của tỉnh (ngành GD-ĐT) (28D1)	Chưa có		
		Tổng kinh phí từ nguồn vốn ODA được cấp hàng năm của tỉnh (ngành GD-ĐT) (28D2)	số lượng		
		Kinh phí từ nguồn vốn ODA đã được giải ngân hàng năm của tỉnh (ngành Nông nghiệp và PTNT) (28C1)	số lượng- 01 dự án (Dự án Care)	18,435 EUR	
Chỉ số 29D= 29D1/29D2*100%	Tỷ lệ giải ngân nguồn khác do người dân đóng góp thực hiện Đề án hàng năm của tỉnh (ngành GD-ĐT)	Tổng kinh phí từ nguồn vốn ODA hàng năm của tỉnh (ngành Nông nghiệp và PTNT) (28C2)	Số lượng		
		Kinh phí từ nguồn khác do người dân đóng góp đã được giải ngân hàng năm của tỉnh (ngành GD-ĐT) (29D1)	Chưa có		

		Tổng kinh phí từ nguồn khác do người dân đóng góp được cấp hàng năm của tỉnh (ngành GD-ĐT) (29D2)	số lượng		
Chỉ số 29F	Tỷ lệ giải ngân nguồn khác do người dân đóng góp thực hiện Đề án hàng năm của huyện (ngành GD-ĐT)	Tỷ lệ giải ngân nguồn khác do người dân đóng góp thực hiện Đề án hàng năm của huyện (ngành GD-ĐT)	tỷ lệ %		

